TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 20/3/2020
V/v tranh chấp "ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy; Ông Nguyễn Văn Diện

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*: Ông Nông Minh Trí - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Q T B– Sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: TDP 1, TT Cát Tiên, Cát Tiên, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông N V D – Sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP 1, TT Cát Tiên, Cát Tiên, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2019. Nguyên đơn bà Q T B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Q T B kết hôn với ông N V D tại Ủy ban nhân dân TT Phước Cát, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 27/5/2008 (giấy đăng ký số 33/2008). Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ông D thường xuyên có hành vi bạo hành bà, bà đã cố gắng sống vì các con nhưng ông D không thay đổi, hai vợ chồng không giải quyết được mâu thuẫn nên bà không thể nào tiếp tục sống chung bà dẫn các con ra ngoài thuê nhà sống, hiện nay cả hai sống ly thân 3 năm, qua thời gian dài không cải thiện được, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể nào tiếp tục chung sống nên bà xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Q T B trình bày có 03 người con chung gồm: N T B N, sinh ngày 20/5/2001 hiện nay con đã trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết; Riêng con N T T N sinh ngày 28/1/2003 và N T T N sinh ngày 22/01/2005 bà xin nguyện vọng tiếp tục được nuôi các con, về cấp dưỡng bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung bà trình bày tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Tại các văn bản ông N V D trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý ly hôn vì lý do mâu thuẫn không lớn trong thời gian sống ly thân ông có xin lỗi nhưng bà B không đồng ý, nếu bà B cương quyết xin ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, về con chung có 03 người con chung như bà B trình bày các con ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, về tài sản chung không yêu cầu, về công nợ chung không có

Tại phiên tòa:

Bà Q T B trình bày: Bà giữa nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông D và xin được nuôi con chung, Về cấp dưỡng bà yêu cầu ông D cấp dưỡng con N T T N, sinh ngày 22/01/2005 hàng tháng mỗi tháng 750.000đ. Đối con N T T N chưa đủ 18 tuổi nhưng hiện nay con đã tự đi làm nên không yêu cầu cấp dưỡng.

Ý kiến phát biểu kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung bà Q T B yêu cầu xin ly hôn với ông N V D trong hồ sơ vụ án bà B trình bày vợ chồng sống chung có nhiều mâu thuẫn hôn nhân không hạnh phúc. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Biểu cho bà Biểu được ly hôn với ông D; Về con chung bà B có nguyện vọng xin được nuôi con chung và các con có nguyện vọng sống cùng bà Biểu đề nghị giao con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng bà B yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con N T T Nhi đây là yêu cầu tự nguyện phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bị đơn Ông N V Dg được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc vào trường hợp bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[3] Về hôn nhân: Bà Q T B kết hôn với ông N V D là hôn nhân hợp pháp, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Quốc Thị Biểu cho bà B được ly hôn với ông N V D theo quy định Điều 56 Luật HNGĐ

[4] Về con chung: Bà Q T Bvà ông N V D có 03 người con chung gồm N T B N, sinh ngày 20/5/2001; N T T N , sinh ngày 28/01/2003; N T T N, sinh ngày 22/01/2005.

Đối với con NTB Nt, sinh ngày 20/5/2001 đã trưởng thành đủ 18 tuổi bà Biểu không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét. Còn đối với N T T N sinh ngày 28/1/2003 và N T T N, sinh ngày 22/01/2005 chưa đủ 18 tuổi, các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, từ khi hai người không còn sống chung bà Biểu là người trực tiếp nuôi dưỡng xét thấy đây là nguyện vọng phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy giao cần giao Nông Thị Thanh Nga, sinh ngày 28/01/2003 và Nông Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 22/01/2005 cho bà Q T B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Bà B yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con Nông Thị Tuyết Nhi, hàng tháng là 750.000đ đây là yêu cầu tự nguyện. Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông N V D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con N T T sinh ngày 22/01/2005 là 750.000đ/ tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2020.

[6] Về tài sản chung: Bà B trình bày không yêu cầu giải quyết

[7] Về Nợ chung: không có nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà Q T B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật; Ông N V D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 150 của BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Q T B cho cho bà Q T B được ly hôn với ông N V D.

Về nuôi con chung: Giao con chung NT T N, sinh ngày 28/01/2003 và Nông Thị TN, sinh ngày 22/01/2005 cho bà Q T B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N V D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 750.000/ tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành

án phải chịu lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Q T B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0010921 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Ông N V D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Cát Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự
- Đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Thúy